

THỰC ĐƠN ĂN HỌC SINH BÁN TRÚ
Trường PTDT bán trú THCS Mường Nhé
Thời gian ăn Từ ngày 12/1/2026 đến 18/1/2026
Số HS bán trú: 753 người

Thứ	Ngày	Sáng	Trưa	Tối
2	12/1/2026	Xôi thịt lợn băm	Thịt lợn rang. Canh rau cải. Cơm tẻ	Thịt lợn xào quả đỗ. Canh bí đỏ. Cơm tẻ
3	13/1/2026	Xôi ruốc thịt lợn	Thịt lợn đậu phụ sốt cà chua. Canh rau cải. Cơm tẻ	Thịt gà ta lai rang gừng. Canh bí đỏ. Cơm tẻ
4	14/1/2026	Bánh mỳ nhân đỗ	Thịt lợn rang. Canh rau cải. Cơm tẻ	Thịt lợn xào bí xanh. Canh bí đỏ. Cơm tẻ
5	15/1/2026	Xôi thịt lợn băm	Thịt lợn đậu phụ sốt cà chua. Canh rau cải. Cơm tẻ	Thịt lợn xào bắp cải. Canh bí đỏ. Cơm tẻ
6	16/1/2026	Xôi ruốc thịt lợn	Thịt lợn xay rang. Canh rau cải. Cơm tẻ	Thịt lợn kho củ cải. Canh bí đỏ. Cơm tẻ
7	17/1/2026	Bánh mỳ nhân kem	Thịt lợn đậu phụ sốt cà chua. Canh rau cải. Cơm tẻ	
CN	18/1/2026			Trứng vịt trắng. Canh rau cải. Cơm tẻ

Người lập



Nguyễn Thị Hương



Dương Tiến Công

UBND XÃ MUỖNG NHÉ
TRƯỜNG PTĐT BÀN TRƯỞNG THCS MUỖNG NHÉ



CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN THÁNG 1 NĂM 2026

Thời gian ăn từ ngày 12/1/2026 đến ngày 18/1/2026

Số lượng người ăn: 753 HS

Thứ, ngày	Bữa sáng				Bữa trưa				Bữa tối				Tổng tiền cả ngày ăn				
	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tên thực phẩm		Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
Thứ hai 12/1/2026	Xôi thịt lợn băm	hộp	753	8.000	6.024.000	Thịt lợn rang, Canh rau cải, Com tẻ	Gạo tẻ	Kg	168	Cấp phát		Thịt lợn xào quả ớt, Canh bí đỏ, Com tẻ	Gạo tẻ	Kg	168	147.000	8.379.000
							Thịt vai, móng lợn	Kg	97	147.000	14.259.000	Thịt vai, móng lợn	Kg	57	147.000	8.379.000	
							Hành lá	Kg	1,0	45.000	45.000	Quả ớt	Kg	60	30.000	1.800.000	
							Rau cải	Kg	30	19.000	570.000	Bí đỏ	Kg	45	20.000	900.000	
	Tổng tiền					6.024.000					14.874.000		Hành lá	Kg	1,0	45.000	45.000
Thứ ba 13/1/2026	Xôi ruốc thịt lợn	hộp	753	8.000	6.024.000	Thịt lợn đầu phụ sốt cà chua, Canh rau cải, Com tẻ	Gạo tẻ	Kg	168	Cấp phát		Thịt gà ta lai sừng	Gạo tẻ	Kg	168	108.000	14.580.000
							Thịt vai, móng lợn	Kg	57	147.000	8.379.000	Gừng	Kg	3	40.000	120.000	
							Đậu phụ	kg	60	27.000	1.620.000	Bí đỏ	Kg	45	20.000	900.000	
							Cà chua	kg	5	40.000	200.000	Com tẻ					
	Tổng tiền					6.024.000					10.814.000					15.600.000	32.438.000
Thứ tư ngày 14/1/2026	Bánh mỳ nhân ớt	gói	753	8000	6.024.000	Thịt lợn rang, Canh rau cải, Com tẻ	Gạo tẻ	Kg	168	Cấp phát		Thịt lợn xào bí xanh, Canh bí đỏ, Com tẻ	Gạo tẻ	Kg	168	45.000	45.000
							Thịt vai, móng lợn	Kg	97	147.000	14.259.000	Bí xanh	kg	60	20.000	1.200.000	
							Hành lá	Kg	1,0	45.000	45.000	Thịt vai, móng lợn	kg	57	147.000	8.379.000	
							Rau cải	Kg	30	19.000	570.000	Bí đỏ	Kg	45	20.000	900.000	
	Tổng tiền					6.024.000					14.874.000					10.524.000	31.422.000
Thứ năm 15/1/2026	Xôi thịt lợn băm	hộp	753	8.000	6.024.000	Thịt lợn đầu phụ sốt cà chua, Canh rau cải, Com tẻ	Gạo tẻ	Kg	168	Cấp phát		Thịt vai, móng lợn	Gạo tẻ	Kg	168	147.000	8.379.000
							Thịt vai, móng lợn	Kg	57	147.000	8.379.000	Hành lá	Kg	57,0	45.000	45.000	
							Đậu phụ	kg	60	27.000	1.620.000	Bí đỏ	Kg	1,0	45.000	45.000	
							Cà chua	kg	5	40.000	200.000	Bí đỏ	Kg	45	20.000	900.000	
	Tổng tiền					6.024.000					14.874.000					10.524.000	31.422.000

Thứ, ngày	Bữa sáng				Bữa trưa				Bữa tối				Tổng tiền cả ngày ăn					
	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Đơn giá		Thành Tiền				
							Rau cải	Kg	30	19.000	570.000		Bắp cải	Kg	60	19.000	1.140.000	
							Hành lá	Kg	1,0	45.000	45.000							
	Tổng tiền				6.024.000						10.814.000					10.464.000	27.302.000	
Thứ sáu 16/1/2026	Xôi rức thịt lợn	hộp	753	8.000	6.024.000	Thịt lợn xay rang. Canh rau cải. Com tẻ	Gạo tẻ	Kg	168		Cấp phát		Hành lá	Kg	1,0	45.000	45.000	
							Thịt vai, móng lợn	Kg	97	147.000	14.259.000	Thịt lợn xào quả su su. Canh bí đỏ.	Củ cải	kg	60	24.000	1.440.000	
							Rau cải	Kg	30	19.000	570.000	Com tẻ	Thịt vai, móng lợn	kg	57	147.000	8.379.000	
											0		Bí đỏ	Kg	45	20.000	900.000	
Tổng tiền					6.024.000						14.874.000					10.764.000	31.662.000	
Thứ 7 ngày 17/1/2026							Gạo tẻ	Kg	143		Cấp phát							
							Đậu phụ	Kg	60	27.000	1.620.000							
							Hành lá	kg	1,0	45.000	45.000							
							Cà chua	kg	5,0	40.000	200.000							
	Bánh mỳ nhân kem	gói	753	8000	6.024.000	Thịt lợn đầu phụ sốt cà chua. Canh rau cải. Com tẻ	Thịt vai, móng lợn	Kg	54	147.000	7.938.000							
							Rau cải	Kg	25	19.000	475.000							
Tổng tiền					6.024.000						10.278.000						0	16.302.000
CN 18/1/2026													Gạo tẻ	Kg	113		Cấp phát	
												trứng vịt trắng. Canh rau cải. Com tẻ	Trứng vịt nhỡ	Quả	700	4.200	2.940.000	
												Hành lá	Kg	1,0	45.000	45.000		
												Rau cải	Kg	20	19.000	380.000		
Tổng tiền					0						0					3.365.000	3.365.000	